



Chiến Dịch Nguyễn Huệ (từ 1-1- đến 17-2-1956)

Sau Chiến Dịch Đình Tiên Hoàng, mặc dầu đã có những nỗ lực của Khu Chiến Miền Tây, lực lượng



chính phủ vẫn không tiêu diệt được hết chủ lực của đối phương. Vì vùng trách nhiệm quá rộng lớn với địa thế hiểm trở, trong khi đó phương tiện được cung cấp rất giới hạn, các lực lượng giáo phái đã tránh đụng độ với quân Chính Phủ và lẩn trốn tản mát trong các vùng xa xôi hẻo lánh để chính đón hàng ngũ.

Tại các Tỉnh Miền Tây ảnh hưởng của Ba Cụt còn rộng lớn, mặc dù bị săn đuổi, ông Ba Cụt còn khoảng 1,000 quân, rút về hoạt động ở các khu Giồng Riềng (Rạch Giá), Ba Thê, Hà Tiên và Châu Đốc. Số quân còn lại của 4 trung đoàn chủ lực như sau: Bắc Tiến khoảng 200 quân, Nguyễn Huệ khoảng 200 quân, Lê Quang trên 300 quân và Lê Lợi khoảng 100 quân. Trong 4 trung đoàn này, Trung Đoàn Lê Quang do Nguyễn Thời Rê chỉ huy được coi là thiện chiến nhất và được trang bị đầy đủ nhất. Ba Cụt là Tổng Tư Lệnh và Ba Bụng, tức Phan Công Cẩn, là Phó Tổng Tư Lệnh. Các đơn vị này thường quay lại khuấy rối các đồn bót QĐQGVN nhất là trong vùng gần biên giới Miền-Việt nhằm gây bất an trên các trục lộ giao thông bằng lối đánh du kích.

Miền Đồng Tháp Mười thuộc vùng ảnh hưởng của Ông Năm Lửa Trần Văn Soái. Khu vực này gồm một vùng đồng lầy hoang vu rộng 70,000 mẫu tây. Đông giáp sông Vàm Cỏ, Tây giáp sông Cửu Long, Nam giáp Quốc Lộ số 4 và phía Bắc là biên giới Miền-Việt. Tuy rộng lớn Đồng Tháp Mười lại ít sông rạch nên thường ngập lụt hằng năm nhất là vào mùa nước nổi từ tháng 6 khi mực nước sông Cửu Long dâng cao.

Từ sau khi bị thất bại tại Cái Vồn, Ông Năm Lửa thân góp lực lượng về đây tái lập cơ sở mới nhờ sự trợ giúp của Việt Cộng và của Pháp qua ngã biên giới, Ông đã chấn chỉnh lại lực lượng gồm 5 Trung Đoàn, và 5 Tiểu Đoàn phòng vệ có quân số vào khoảng 3,800 người. Vào khoảng cuối tháng 12/1955 sau một thời gian im lặng, lực lượng của Ông Trần Văn Soái đã có vài hoạt động quân sự trở lại nhưng còn yếu ớt.

Thêm vào đó hai đơn vị Cao Đài ly khai vẫn đang lẩn trốn, chừng một Tiểu Đoàn hoạt động tại vùng Giồng Đồng Tháp Mười và một Đại Đội khác hoạt động tại Tỉnh Châu Đốc.

Tình hình tại miền Tây lại càng thêm rối rắm khi các phần tử nằm vùng của Việt Cộng lợi dụng tình thế chống đối chính phủ của các lực lượng giáo phái, tái xuất hoạt động trong vùng Đồng Tháp và các Tỉnh miền Tây tuyên truyền gieo bất mãn trong các tầng lớp dân chúng nông thôn.

Hơn thế nữa, người Pháp vẫn còn xen lấn vào nội bộ VN, tiếp tục tiếp tế cho lực lượng của Ông Năm Lửa bằng đạn dược và vũ khí qua ngã biên giới Miền-Việt và chính phủ VN còn phát hiện cả máy bay Pháp thả dù tiếp liệu và vũ khí cho quân của Tướng Trần Văn Soái.

Do đó, ngoài việc giải quyết các lực lượng giáo phái ly khai, còn nhiều vấn đề khác không kém quan trọng cần phải được giải quyết cấp bách như kiểm soát biên giới, tiêu trừ Việt Cộng nằm vùng, tái lập nền hành chánh tại nông thôn...

Về phía dân chúng tại Hậu Giang chia thành nhiều thành phần: Thành phần thiên về Chính Phủ gồm các thị dân tập trung quanh các thị trấn và vùng phụ cận; các vùng nông thôn được chính quyền và quân đội kiểm

soát bảo đảm an ninh cho đời sống của họ khỏi bị hăm dọa hay khủng bố của phe giáo phái ly khai hay của Việt Cộng.

Thành phần dân chúng ngã theo phe đối phương phần đông là các tín đồ giáo phái, dễ bị lôi cuốn vì sùng bái tín ngưỡng vào Đạo; những người dân sống trong vùng xa xôi mà chính quyền và quân đội chưa kiểm soát chặt chẽ được và khối dân chúng bị áp lực đe dọa của các lực lượng giáo phái ly khai này.

Ngoài ra còn có thành phần thiên về phía VC, phần đông là những người bị tiêm nhiễm ảnh hưởng cộng sản từ thời kháng chiến chống Pháp ở các vùng U-Minh, Cà Mau, Đồng Tháp... và những người có con em tập kết ra Bắc.

Khối dân chúng này chiếm gần phân nửa Miền Tây, họ âm thầm giúp đỡ che chở, tiếp tế cho các lực lượng đối kháng với chính phủ.

Trong khi Chiến dịch Đỉnh Tiên Hoàng với chiến thuật vũ bão đã làm tan rã lực lượng đối phương, lung đoạn tinh thần hiếu chiến và phá nát những cơ sở hậu cần của họ nhưng đã làm mất thiện cảm của nhiều người e ngại chính quyền đang ra tay tận diệt các thành phần giáo phái đối lập.

Kể từ ngày 26/10/1955, sau khi Ông Ngô Đình Diệm trở thành vị Tổng thống đầu tiên của chế độ VNCH, và để sớm ổn định tình hình chính trị, ông Diệm đã mời ông Nguyễn Ngọc Thơ góp phần vào việc thanh toán các phần tử phiến loạn Hòa Hảo còn lại. Ông Nguyễn Ngọc Thơ đồng ý và đề nghị cử Tướng Dương Văn Minh làm chỉ huy trưởng chiến dịch, còn ông phụ trách việc thương lượng với các phe ly khai, vì ông đã từng quen biết hay đối đầu với họ khi làm tỉnh trưởng một số tỉnh trong vùng.

Thiếu tướng Dương Văn Minh, nguyên Tư Lệnh chiến dịch Hoàng Diệu tiêu trừ lực lượng Bình Xuyên tại chiến khu Rừng Sác được Tổng thống Ngô Đình Diệm chỉ định làm Tư Lệnh Chiến Dịch Nguyễn Huệ, và Đại tá Dương Văn Đức làm Tư Lệnh Phó sẽ khởi diễn vào ngày 1/1/1956 với ba nhiệm vụ:

1. Giải quyết lực lượng của Ông Ba Cụt, Ông Trần Văn Soái và các lực lượng ly khai tái lập an ninh cho đồng bằng sông Cửu Long.

2. Phong tỏa biên giới Việt-Miên từ Hà Tiên đến sông Vàm Cỏ không cho loạn quân rút lui chạy trốn sang xứ Kampuchea.

3. Cắt đứt liên lạc của loạn quân giữa hai Khu Chiến miền Tây và khu chiến Đồng Tháp Mười.

Ngoài những nhiệm vụ trên, chiến dịch Nguyễn Huệ còn có nhiệm vụ tiêu diệt những cơ sở nằm vùng của Việt Cộng trong vùng hành quân, tái lập hành chánh, khai thác vùng Đồng Tháp Mười, mở mang đường sá, cầu cống và xây cất đồn bót.

Bộ chỉ huy chiến dịch được thành lập ngày 29/12/1955 và đặt bản doanh tại Long Xuyên bao gồm các vùng lãnh thổ sau đây:

- Phân khu Mỹ Tho (Tân An, Mỹ Tho, Gò Công, Bến Tre)
- Phân khu Vĩnh Long (Vĩnh Long, Trà-Vinh, Sa Đéc)
- Phân khu Cần Thơ (Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên)
- Phân Khu Sóc Trăng (Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và Rạch Giá)

Vì vùng hành quân quá rộng lớn nên được chia thành 2 khu chiến và một khu trái độn.

1. Khu Chiến Miền Tây: hữu ngạn sông Hậu từ Châu Đốc Rạch Giá xuống tới Cà Mau dưới quyền chỉ huy của Đại tá Dương Văn Đức. Sau chiến dịch Đỉnh Tiên Hoàng, Đại tá Đức vẫn tiếp tục bình định Miền Tây thanh toán chủ lực của ông Lê Quang Vinh cùng các lực lượng giáo phái ly khai đang khuấy rối đôn bót và chia thành 3 vùng hoạt động.

- Vùng Bắc: Trục Long Xuyên, Rạch Giá, Châu Đốc.

- Vùng Nam: Trục Long Xuyên Rạch Giá Cần Thơ.

- Vùng Cà Mau: chia ra 2 vùng Cà Mau Nam và Cà Mau Bắc do các lực lượng của Thiếu tá Trần Thanh Bền và Thiếu tá Lâm Quang Phòng đảm trách.

2. Khu Chiến Đồng Tháp: dưới quyền chỉ huy của Trung tá Nguyễn Văn Là, nhiệm vụ chính là thanh toán tàn quân của ông Trần Văn Soái và được chia làm 2 khu vực qua 2 giai đoạn hành quân: Vùng tạm an và vùng bất an.

3. Khu trái Độn Vĩnh Long: dưới quyền chỉ huy của Đại tá Nguyễn Văn Quan, với phương tiện địa phương của Phân Khu, hoạt động ngăn ngừa mọi đột nhập của đối phương để liên lạc với 2 khu chiến nói trên.

Thành phần QĐQGVN tham Chiến:

Để tham gia chiến dịch, Bộ TTM Quân Lực VNCH đã huy động một lực lượng Hải Lục Không quân hùng hậu như sau:

1. **3 sư đoàn khinh chiến** (Sư Đoàn 11, 14 và 15), một sư đoàn dã chiến (Sư Đoàn 4, tiền thân của Sư 7 Bộ Binh sau này): SĐ4 Dã Chiến, SĐ11 Khinh Chiến hoạt động tại Khu Chiến Miền Tây. SĐ14 Khinh Chiến và SĐ15 Khinh Chiến điều động từ miền Trung và Phân Khu Duyên Hải tăng cường cho Khu Chiến Đồng Tháp. Ngoài ra còn có các Trung Đoàn Địa Phương, các đơn vị Cảnh Sát lưu động trong các vùng hành quân.

2. **Hải Quân:** 4 Hải Đoàn Xung Phong 21, 22, 23, 24, 2 tàu LSIL, 1 tàu LSSL, 3 LCU, riêng khu Đồng Tháp được cung cấp 3 hải đoàn, 1 LCU và 20 xuồng M2.

3. **Không Quân:** 1 Phân Đội của Phi Đội 2 Quan Sát (Sóc Trăng + Long Xuyên), 3 phi cơ oanh tạc Marcel Dassault (Sóc Trăng).

4. **Thiết Giáp:** 6 Chi Đoàn Thám Xa.

5. **Pháo Binh:** Các TĐ21, 22, 24, 3 và 4 Pháo Binh (TĐ3 và 4 phân chia cho Khu Chiến Đồng Tháp.)

6. **Trừ Bị:** TĐ5ND do Đại úy Ngô Xuân Soạn làm Tiểu Đoàn Trưởng ứng chiến tại Sa Đéc. (1/1/1956 – 31/5/1956)

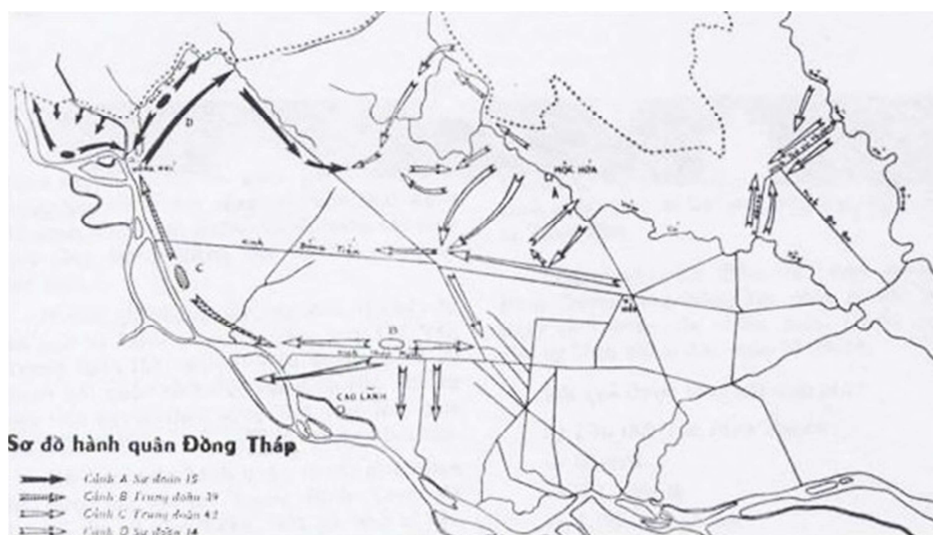
7. **Ngoài những đơn vị tác chiến kể trên, một số các đơn vị yểm trợ và chuyên môn** cũng được đặt dưới quyền điều động của Tư Lệnh Chiến Dịch Nguyễn Huệ.

Kinh nghiệm trong chiến dịch Đỉnh Tiên Hoàng, Bộ Chỉ Huy chiến dịch Nguyễn Huệ đã tránh dùng chiến thuật vũ bão mà thiên về biện pháp Tâm Lý Chiến và Chính Trị hơn. Chiến dịch được chia ra làm ba giai đoạn:

Giai đoạn 1 bố trí lực lượng chặn các nẻo xâm nhập vào Đồng Tháp nhất là vùng biên giới Miên-Việt hầu cô lập đối phương về mặt tiếp tế, cũng như tiếp viện từ bên ngoài, đồng thời hành quân tảo thanh vùng Bắc Chiên và Cao Lãnh.

Giai đoạn 2 xoay mặt trận từ gò Bắc Chiên sang Hồng Ngự để đánh ép đối phương dồn về trung tâm khu bất an để dễ bề tiêu diệt hoặc phải bị bế tắc mà ra đầu hàng.

Giai đoạn 3: Sau khi thanh toán nhóm Trần Văn Soái sẽ xoay sang vùng tạm an phía Đông Bắc vùng Đồng Tháp để giải quyết lực lượng Cao Đài ly khai.



Khu vực hành quân Chiến Dịch Nguyễn Huệ

THANH TOÁN LỰC LƯỢNG NĂM LỬA

Hành quân thanh toán lực lượng ông Trần Văn Soái từ 9/1 đến 17/2/1956:

Ngày 9/1/1956 BCH khu chiến Đồng Tháp và SĐ15 Kinh Chiến di chuyển đến gò Bắc Chiên. Lực lượng Quân đội VNCH chia làm nhiều cánh:

- **Cánh A:** gồm Trung đoàn 43, Trung đoàn 44 và 1 pháo đội di chuyển lên Gò Bắc Chiên do các Hải đoàn xung phong 21 và 23 đảm nhận. Cánh quân này từ ngày 12-1-1956, bắt đầu tiến quân từ Gò Bắc Chiên về phía Tây Bắc.

- **Cánh B:** gồm có Trung đoàn 39 và Tiểu đoàn 581 tại Cao Lãnh thành lập một hệ thống án ngữ hoạt động tảo thanh quanh Chi khu Cao Lãnh.

- **Cánh C:** do lực lượng của Thiếu tướng Nguyễn Giác Ngộ và Trung đoàn 42 từ Sa Đéc di chuyển lên, án ngữ chặn đường rút lui của đối phương ở miền Tây.

- **Trung đoàn 45,** lực lượng trừ bị hoạt động xung quanh Gò Bắc Chiên.

Khởi đầu cuộc hành quân vào Đồng Tháp với các cánh quân tham chiến, Bộ Tư lệnh chiến dịch Nguyễn Huệ đã áp dụng ngay đến kế hoạch dồn ép quân của lực lượng Trần Văn Soái, trong khi bí mật tìm cách móc nối để thương thuyết vận động Trần Văn Soái ra quy thuận. Cuộc hành quân tiến vào Đồng Tháp đã diễn tiến tốt đẹp, trên đường tiến quân chỉ xảy ra vài cuộc giao tranh và phía đối phương bị thiệt hại nặng.

Ngày 12/1/1956 khởi đầu, các đơn vị của Trung đoàn 43 và 44 tiến quân lên Bình Châu dọc theo sông Vàm Cỏ Tây. Trung đoàn 39 án ngữ dọc theo kinh Đồng Thấp. Sau đó Trung đoàn 44 từ Bình Châu tiến lên rạch Long Khót. Khi toán tiền phong của Trung đoàn 44 chiếm Long Khót, Trung đoàn 43 theo chân đơn vị bạn lên chiếm xóm Keo Gia. Lực lượng của ông Trần Văn Soái rút lui về Vĩnh Trị. Tiếp theo, Trung đoàn 44 từ Long Khót tiến quân chiếm Hưng Điền. Trung đoàn 43 từ xóm Keo Gia cũng tiến lên chiếm Lò Gạch.

Khi nhận được tin lực lượng Trần Văn Soái di chuyển bản doanh về tại Vĩnh Thạnh, Sư đoàn 15 thay chiều nỗ lực tấn công về hướng Tây Nam. Cánh quân thứ nhất do Trung đoàn 44 làm nỗ lực chính với sự yểm trợ của pháo binh, dàn quân tại Bình Châu tấn chiếm Vĩnh Trị và Vĩnh Thạnh. Cánh quân thứ hai do Trung đoàn 43 khai triển, có pháo binh yểm trợ, tiến quân chiếm Vĩnh Lợi.

Ngày 16/1/1956, trên đường tiến quân, Trung đoàn 44 chạm súng kịch chiến với đối phương lần đầu tiên sau 5 ngày hành quân.

Trung đoàn 39 tiếp tục tảo thanh tại khu Cao Lãnh và đã chạm súng với đối phương vài lần, thu đạt vài kết quả. Để phản ứng lại cuộc tiến quân của Trung đoàn 39, lực lượng Trần Văn Soái đã pháo kích vào chi khu Cao Lãnh khiến 1 thường dân tử thương.

Về cuộc tiến quân của Trung đoàn 43 và Trung đoàn 44, sau cuộc chiếm đóng Vĩnh Trị, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Lợi, 2 trung đoàn này mở rộng hoạt động quanh các vị trí vừa chiếm và thường có những cuộc chạm súng lẻ tẻ. Hai tiểu đoàn của Trung đoàn 45 đã được điều động tăng cường cho 2 trung đoàn 43 và 44 tại vùng trách nhiệm của cuộc hành quân.

Hải Đoàn Xung Phong tiếp tục nhiệm vụ tuần tiễu dọc theo sông Vàm Cỏ Tây từ Gò Bắc Chiên đến Bình Châu.

Sư đoàn 14 và 15 tấn công các khu chiến của đối phương:

Ngày 19/1/1956 mười ngày sau khi hành quân vào Đồng Thấp, theo chiến thuật “vừa đánh vừa đàm” đã dự trù, khi đòn quân Tượng Soái vào ngõ cụt, một đại diện của chính phủ VNCH đã bí mật liên lạc được với đại diện của ông Soái. Đó là ông Phan Hà, Đại tá Đồng lý văn phòng của ông Soái. Cuộc gặp gỡ đã diễn ra tại đồn Cây Tre làng Tân Phú (Đồng Thấp). Hai bên đồng ý cử đại diện chính thức để thương lượng. Trong cuộc gặp gỡ đầu tiên này, cả hai bên đều đi đến sự đồng thuận là để một đại diện chính thức của chính phủ gặp ông Soái để trao đổi ý kiến và quyết định những điều kiện thỏa thuận.

Ngày 23/1/1956 Trung đoàn 39 hoạt động quanh vùng Cao Lãnh bắt sống được Trung đoàn Trưởng Trung đoàn Lý Thường Kiệt tên là Phùng.

Ngày 24/1/1956 Sư đoàn 15 khinh chiến mở một cuộc tảo thanh ngược lại về phía Tây Nam Gò Bắc Chiên để chiếm địa điểm “Gậy Cờ Đen” (khu dinh điền Phước Xuyên). Trung đoàn 43 được tăng cường di chuyển về Gò Bắc Chiên chia quân làm 3 cánh: Cánh 1 tiến theo rạch Bắc Chiên tiến quân lên dinh điền Phước Xuyên. Cánh thứ hai có Hải Quân yểm trợ tiến theo kinh Lagrange cũng tiến lên Phước Xuyên. Cánh thứ 3 bố trí tại kênh Bắc Chiên để sẵn sàng trợ lực. Cuộc hành quân này vô sự. Trung đoàn 43 tiếp tục tảo thanh ấp Thấp Mười.

Trong ngày này phái đoàn chính phủ không gặp ông Soái nhưng đã gặp bà Lê Thị Gấm, vợ của ông để bàn luận thêm, phái đoàn có nhờ bà Bà Gấm thuyết phục để ông Soái sớm đưa lực lượng trở về quy thuận Chính Phủ.

Từ ngày này về sau, không ngày nào là không có giao tranh xảy ra:

Ngày 25/1/1956 Tiểu đoàn 581 phục kích đưng độ tại Phong Mỹ, ngày 26/1, Trung đoàn 43 đưng ở ấp Tháp Mười. Ngày 28/1/1956 Tiểu đoàn 581 đi phục kích đêm lại chạm súng.

Ngày 29/1/1956 Trung đoàn 44 đã chạm súng dữ dội với đối phương tại Vĩnh Thạnh khiến quân Hòa Hảo bị tử thương 80 người tại trận địa.

Thời kỳ thứ nhất nhằm bố trí bao vây mặt Đông Bắc và Đông Nam khu bất an vừa hoàn tất, Bộ Tư Lệnh hành quân QĐQGVN chuyển sang thời kỳ thứ hai bằng cách điều động thêm Sư đoàn 14 khinh chiến vào tham chiến. Cánh quân này được gọi là cánh quân D.

Giai đoạn 2 Chiến dịch Nguyễn Huệ (5/2 – 17/2/1956)

Cuộc hành quân giai đoạn 2 khai diễn vào 6 giờ sáng ngày 5/2/1956, Sư đoàn 14 từ khởi điểm Bình Thạnh ở phía Bắc Hồng Ngự tiến quân theo trục rạch Sở Hạ - Cái Cái án ngữ dọc theo biên giới Việt-Miên. Hải đoàn 21 tiến theo sông để giữ an ninh sườn phía Bắc. Lực lượng Sư đoàn 14 đã chạm trán mạnh mẽ với đối phương. Trên đường tiến quân, đối phương gài rất nhiều mìn và có 1 sên mìn dài 1km.

Binh sĩ Sư đoàn 14 chạm mìn bị thương rất nhiều. Đối phương thiết lập một vị trí phòng thủ rất kiên cố tại ngã ba Sở Hạ-Cái Cái khiến các đơn vị QĐQGVN không thể vượt sông được và phải dùng pháo binh và trọng pháo hỏa tập dữ dội.

Ngày 7/2/1956 Bộ chỉ huy khu chiến Đồng Tháp đã phải điều động lực lượng trừ bị là Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù trợ chiến. Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù dùng xuồng M2 vượt sông Cái Cái dàn quân tấn công bất ngờ, đánh thủng vị trí đối phương khiến họ phải hoảng sợ rút lui sâu vào trung tâm Đồng Tháp.

Sư đoàn 14 lại tiếp tục tiến quân truy kích. Tại rạch Cái Cái, đối phương làm nhiều rào cản, Quân Đội Quốc Gia phải cho phá bỏ để cho Hải Đoàn 21 tiến vào yểm trợ. Tại trận giao tranh quyết liệt rạch Sở Hạ-Cái Cái, phía Sư đoàn 14 bị thương 56 chiến binh phần nhiều do mìn, 13 người chết trong đó có 1 Thiếu úy. Đối phương bị chết khoảng 50 người.

Đây là cuộc đưng độ lớn nhất đối với lực lượng tàn quân của ông Năm Lửa và là một trận có hầu hết các đơn vị nòng cốt của họ tham dự. Sau khi thua trận này, tinh thần binh sĩ của ông Trần Văn Soái trở nên rời rạc, sa sút. Quân của Ông bị bao vây trong vùng Đồng Tháp đã bị thất thế ở giữa một vùng sinh lầy và nước đọng.

Ngày 11/2/1956, sau nhiều lần liên lạc và thảo luận, Ông Trần Văn Soái đã chấp nhận thương thuyết với Đại Diện của chính phủ là Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ. Ông Trần Văn Soái đưa ra một số đề nghị và những điều kiện này đã được chính phủ chấp thuận.

Qua ngày 17/2/1956 ông Trần Văn Soái đã thỏa thuận với đại diện chính quyền mang toàn lực lượng còn lại ra quy thuận. Các đoàn quân quy thuận lần lượt đưa về tập trung tại trại chiêu an của chiến dịch Nguyễn Huệ đặt tại Cái Vồn.

Ngày 2/3/1956 trên các hệ thống đài phát thanh quốc gia Ông Trần Văn Soái tuyên bố ủng hộ lập trường của Thủ tướng Ngô Đình Diệm và kêu gọi Tín đồ PGHH chung lưng bài phong đả cộng. Sự quy thuận của Ông Soái đã làm cho tình hình tại Miền Tây lắng dịu.

Ngày 7/3/1956 một buổi lễ tiếp nhận quy hàng được tổ chức tại Cái Vồn và chấm dứt cuộc đời hoạt động chính trị và quân sự của Ông và cũng đánh dấu Kết thúc Chiến Dịch Nguyễn Huệ giai đoạn 2.

*** Kết quả hành quân giai đoạn 1 từ 9/1 đến 3-2/1956:**

1. Tổn thất đối phương:

- 142 chết trong đó có 4 sĩ quan
- Quy thuận: 15 người
- Vũ khí bị tịch thu: 52 súng đủ loại, trong đó có 1 súng cối 81ly và 3 súng cối 60ly.

2. Tổn thất của lực lượng VNCH:

- Tử trận: 8
- Bị thương: 17
- Mất tích: 7
- Vũ khí mất: 11 súng cá nhân.

* Kết quả hành quân giai đoạn 2: 5/2 đến 17/2 /56:

1. Tổn thất của đối phương:

- Chết: 126
- Quy thuận: 3,735
- Vũ khí bị tịch thu: 2,071 súng trường, 34 các-bin, 85 trung liên, 85 súng cối, 330 tiểu liên, 21 đại liên, 41 súng lục.

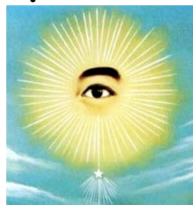
2. Tổn thất của lực lượng VNCH:

- Tử trận: 23
- Bị thương: 98
- Vũ khí bị mất: không có.

THANH TOÁN LỰC LƯỢNG CAO ĐÀI LY KHAI

Sau khi kết thúc cuộc hành quân truy kích lực lượng của ông Trần Văn Soái tại Đồng Tháp, ngày 11-3-1956, Bộ Chỉ huy Chiến dịch Nguyễn Huệ đã mở cuộc hành quân Thăng Long về phía Đông Bắc Đồng Tháp nhằm mục đích tảo thanh các binh đội của lực lượng giáo phái Cao Đài ly khai tại vùng bất an ninh. Lực lượng xung kích của cuộc hành quân này là các đơn vị thuộc Sư đoàn 15 Khinh chiến.

Đạo Cao Đài: Nhờ trung gian của Cố vấn quân sự Mỹ là Edward Lansdale, lực lượng Cao Đài dưới quyền hai Tướng Nguyễn Thành Phương và Trình Minh Thế ủng hộ chính phủ Ngô Đình Diệm từ đầu năm 1955. Tuy nhiên, ông Ngô Đình Diệm vẫn còn nghi ngờ ông Phạm Công Tắc (1893-1959) là có tham vọng làm Quốc Trưởng. Cái chết của Tướng Thế vào ngày 3 tháng 5 năm 1955, khi đang chỉ huy tiến quân qua cầu Tân Thuận để truy kích quân Bình Xuyên, khiến các phe nhóm Cao Đài thêm phân hóa thành nhiều phe phái đưa đến việc Hộ Pháp Phạm Công Tắc ngã dần về phe đối lập, chống việc trung cầu dân ý truất phế Bảo Đại.



Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới, vừa độc thần, vừa đa thần được thành lập ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Đạo Cao Đài ra đời là sự kế thừa, tổng hợp của các tôn giáo đang chi phối mạnh mẽ đời sống người dân tại miền Nam Việt Nam. Biểu tượng thiêng liêng của đạo Cao Đài là hình Một Mắt, tượng trưng cho sự thấu suốt mọi lẽ huyền vi của vũ trụ và thế giới tâm linh. Tên gọi Cao Đài chỉ một nơi cao nhất ở đó Thượng đế ngự trị; cũng là danh xưng rút gọn của Thượng Đế trong đạo Cao Đài, vốn có danh xưng đầy đủ là “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát.

Cao Đài là một tôn giáo có tính dung hợp các tôn giáo lớn ở VN như là Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo. Các giáo điều của Đạo Cao Đài khuyên các tín đồ không sát sinh, sống lương thiện, hòa đồng, làm lành lánh dữ, giúp đỡ xung quanh, cầu nguyện, thờ cúng tổ tiên, và thực hành tình yêu thương vạn loại qua việc ăn chay với mục tiêu tối thiểu là đem sự hạnh phúc đến cho mọi người, và mục tiêu tối thượng là đưa vạn loại thoát khỏi vòng luân hồi.

Có thể nói, Cơ bút là nền tảng căn bản cũng như mọi yếu tố liên quan đến quá trình hình thành và phát triển của đạo Cao Đài từ khởi thủy đến hiện tại, từ việc thu nhận tín đồ, phong chức sắc, ban hành luật đạo, các nghi thức cúng tế, phẩm phục, kinh điển, thậm chí đến các thiết kế cơ sở thờ tự cũng được thông qua bởi hình thức Cơ bút.

Tín đồ đầu tiên của đạo là ông Ngô Văn Chiêu, một viên chức trong chính quyền thuộc địa Pháp, vốn chịu ảnh hưởng của Minh Sư đạo, một nhánh của Lão giáo, thường sử dụng hình thức cơ bút để giao tiếp với giới thần tiên. Trong những năm 1921 đến 1924, ông đã thông qua các cơ bút để hình thành những nền tảng đầu tiên của đạo Cao Đài và truyền bá cho nhóm bạn hữu công chức tại Sài Gòn, nhưng chỉ giới hạn trong phạm vi một nhóm tu tập tịnh luyện, chứ chưa phát triển thành một Tôn giáo.

Cùng giai đoạn này, một nhóm công chức gốc Tây Ninh khác ở Sài Gòn, chịu ảnh hưởng của phong trào Thông linh học gồm Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang và Phạm Công Tắc, thường xuyên tổ chức cầu cơ ở đường Arras vào khoảng tháng 7 năm 1925. Nhóm cũng độc lập xây dựng nền tảng giáo lý riêng và cũng phát triển thêm nhiều người, quan trọng nhất là việc thu nhận thêm ông Lê Văn Trung, cựu Nghị viên Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ, người giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển đạo Cao Đài.

Ngày 21 tháng 2 năm 1926, một bài thơ được lưu truyền cho là cơ giảng của Thượng Đế, trong đó có tên của 13 người, về sau được tín đồ Cao Đài xưng tụng là những tín đồ đầu tiên của đạo, với tên ông Ngô Văn Chiêu được tôn xưng Anh Cả (Giáo Tông) và ông Phạm Công Tắc được chỉ định làm Hộ giá Tiên đồng Tá cơ Đạo sĩ (thường gọi là Hộ Pháp). Kể từ đó, những nền tảng giáo lý của Cao Đài được bổ túc và hoàn thiện dần. Số lượng tín đồ nhanh chóng phát triển lên hàng chục ngàn người. Một đàn cơ quy mô được thành lập ở Cầu Kho, về sau hình thành nên Thánh thất Cầu Kho, được xem là thánh thất đầu tiên của đạo Cao Đài.

Để có tư cách chính thức với chính quyền thuộc địa, ngày 7 tháng 10 năm 1926, các tín đồ gửi đến Thống đốc Nam Kỳ Le Fol một bản tuyên cáo khai đạo bằng tiếng Pháp với chữ ký của 28 tín đồ có địa vị cao nhất trong xã hội, kèm theo tờ khai tịch đạo của 247 tín đồ. Sau đó, các tín đồ tổ chức 3 nhóm truyền đạo khắp Nam Kỳ. Và ngày Rằm tháng 10 năm Bính Dần (tức ngày 19 tháng 11 năm 1926), các tín đồ Cao Đài đã tổ chức lễ ra mắt rất long trọng tại chùa Gò Kén, còn gọi là Từ Lâm Tự, Tây Ninh với sự hiện diện của quan chức chính quyền của cả người Pháp lẫn người Việt.

Về sau, Sự phân chia các hệ phái không làm giảm tốc độ phát triển tín đồ. Cao Đài nhanh chóng trở thành một tôn giáo có ảnh hưởng lớn ở Nam Kỳ, ra cả Trung Kỳ, Bắc Kỳ và cả Kampuchea, Lào. Các lãnh đạo Cao Đài đều là những người có học thức, có địa vị xã hội và rất có ảnh hưởng đến dân chúng. Vì vậy, Cao Đài luôn là đối tượng hoặc lôi kéo, hoặc đả kích của các thế lực nắm chính quyền. Một tôn giáo có tổ chức như hình thái nhà nước có nhiều khả năng lôi kéo quần chúng sẽ đe dọa đến sự cai trị của chính quyền thực dân Pháp và họ đã tìm cách khống chế. Do đó, dưới áp lực của Pháp, các chỉ dụ cấm đạo ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Kampuchea và Lào đã được ban hành.

Ông Phạm Công Tắc

Hộ pháp Phạm Công Tắc (1890-1959), tự là Ái Dân, hiệu Tây Sơn Đạo, là một trong những lãnh đạo quan trọng nhất trong việc hình thành, xây dựng, phát triển và kiện toàn hệ thống tôn giáo của đạo Cao Đài.



Ông sinh ngày 21 tháng 6 năm 1890 (tức mùng 5 tháng 5 năm Canh Dân) tại làng Bình Lập, quận Châu Thành, tỉnh Tân An (nay là tỉnh Long An). Ông là người con thứ 7 trong gia đình Thiên Chúa Giáo có 8 người con.

Thân phụ của ông là ông Phạm Công Thiện, là một công chức chính quyền thuộc địa, quê quán ở làng An Hòa, quận Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Thân mẫu ông là bà La Thị Đường, cũng là người làng An Hòa.

Năm 1896, ông bắt đầu đi học tiểu học tại Tân An, nơi thân phụ ông làm việc, nhưng sau đó thân phụ ông nghỉ việc, đưa cả gia đình về nguyên quán. Ông được rửa tội tại nhà thờ Tây Ninh vào năm 1900. Hai năm sau, thân phụ ông qua đời. Dù gia cảnh rất khó khăn, năm 1906, ông vẫn tiếp tục theo học ở trường Chasseloup-Laubat tại Sài Gòn. Năm 1907, ông đậu bằng Thành chung.

Đầu thập niên 1920, phong trào Thông linh học (Spiritisme) bắt đầu phổ biến tại Nam Kỳ, ông cùng với các bạn hữu công chức gốc Tây Ninh là Cao Quỳnh Cư và Cao Hoài Sang tham gia vào việc thử nghiệm lập bàn cầu cơ tiếp xúc với Thượng đế vào khoảng tháng 7/1925. Về sau, nhóm phát triển thêm nhiều người và giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển đạo Cao Đài.

Năm 1941, phong trào chống thực dân Pháp trong nước Việt Nam nổi lên khắp nơi. Người Pháp đàn áp thẳng tay bằng cách giam giữ tất cả những ai bị tình nghi là chống lại họ. Lúc bấy giờ Cao Đài là một tôn giáo có thực lực, có tổ chức chặt chẽ và phát triển rất nhanh, nên người Pháp rất lấy làm nghi ngại Đạo Cao Đài có thể bị cuốn hút vào vòng ảnh hưởng của người Nhật, bấy giờ đã xâm nhập vào Đông Dương và đang ra sức lôi kéo các tôn giáo, giới chính trị... người Việt ủng hộ Chính sách Đại Đông Á của họ.

Sau nhiều lần đe dọa, ngày 28 tháng 6 năm 1941 Pháp vào tận Nội Ô Tòa Thánh Tây Ninh bắt giữ Hộ pháp Phạm Công Tắc và 5 chức sắc khác đày sang đảo Madagascar. Tòa Thánh Tây Ninh bị chiếm đóng. Nhiều thánh thất Cao Đài tại các nơi khác cũng bị quản chế hay phá hủy.



Quân đội Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh

Trong khi đó, cả người Nhật lẫn Việt Minh đều tranh thủ ra sức lôi kéo các nhóm Cao Đài. Do sự vận động của các cán bộ Việt Minh, một nhóm các chức sắc Cao Đài, đã bí mật thành lập Hội Cao Đài Cứu Quốc hoạt động ở các vùng xa xôi ở Miền Tây, có xu hướng chống cả Pháp lẫn Nhật.

Người Nhật thì can thiệp mở lại Tòa Thánh Tây Ninh tại Sài Gòn, đổi lại việc Phối sư Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh), người tạm thời thay mặt Ngài Hộ pháp Phạm Công Tắc lãnh đạo các tín đồ Cao Đài

Tòa Thánh Tây Ninh, tập hợp các tín đồ hợp tác với quân đội Nhật để chống Pháp. Khả đông tín đồ Cao Đài được tuyển làm nhân công của xưởng đóng tàu Nichinan của quân đội Nhật tại Sài Gòn, gần cầu Rạch Ông. Một lực lượng bán vũ trang Cao Đài được ra đời với tên gọi Nội Ứng nghĩa binh. Các Thanh niên Cao Đài, ban ngày thì làm công nhân đóng tàu, ban đêm thì luyện tập quân sự và đoàn ngũ hóa thành Đoàn Nội Ứng Nghĩa Binh, chuẩn bị cho cuộc tranh đấu giành lại độc lập và tự chủ cho Việt Nam khỏi tay người Pháp, được Hoàng thân Cường Để là một lãnh tụ trong Phong Trào Đông Du ủng hộ để liên minh với Nhật Bản.

Khi Pháp tái chiếm VN, các nhóm lực lượng vũ trang Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tham chiến ở mặt Đông và Bắc Sài Gòn chống Pháp. Lực lượng vũ trang Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh được tổ chức thành 2 chi đội do Nguyễn Thanh Bạch và Nguyễn Hoài Thanh chỉ huy.

Tuy nhiên, trước sức mạnh của quân Pháp, nhiều đơn vị vũ trang tan rã, hoặc trở thành những lực lượng quân phiệt cát cứ, không chịu sự chỉ huy thống nhất. Một số chức sắc cao cấp và chỉ huy quân sự Cao Đài đã đưa lực lượng của mình tự rút về Tây Ninh và tự xây dựng các căn cứ để bảo vệ Tòa Thánh.



Tòa Thánh Tây Ninh

Về sau, để tranh thủ thêm đồng minh trong cuộc chiến chống Việt Minh cộng sản, chính quyền Pháp cho phép Ngài Hộ pháp Phạm Công Tắc trở về Tòa Thánh Tây Ninh, đổi lại các tín đồ Cao Đài sẽ không tấn công người Pháp và được quân Pháp bảo trợ. Chính quyền Pháp còn cho phép lãnh thổ do Tòa Thánh Tây Ninh kiểm soát có quyền tự trị. Lực lượng vũ trang Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh được chính quyền Pháp bảo trợ và trang bị vũ khí, do Trung tướng Trần Quang Vinh làm Tổng tư lệnh, Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành làm Tham mưu trưởng, có vai trò như một lực lượng bổ sung (Forces supplétives), hỗ trợ quân Pháp trong các chiến dịch tấn công Việt Minh.

Sau năm 1954, tại miền Nam, Tòa Thánh Tây Ninh dưới sự hậu thuẫn của người Pháp đã phát triển mạnh mẽ, có quân đội riêng, có ảnh hưởng chính trị mạnh, đã trở thành cái gai lớn của chính quyền Quốc Gia Việt Nam dưới thời Thủ tướng Ngô Đình Diệm.

Chiến thắng khá dễ dàng Bình Xuyên và Hòa Hảo khiến Thủ tướng Ngô Đình Diệm quyết định xuống tay với đối thủ sau cùng là ông Phạm Công Tắc. Trong hai tháng 8 và 9/1955, các viên chức chính phủ bắt đầu nêu lên vấn đề Đạo Cao Đài. Ngày 11/8/1955, Đại biểu chính phủ Trần Văn Lắm mật báo Cao Đài sắp gây hấn với Quân Đội Quốc Gia; ông Phạm Công Tắc cho lệnh rút quân từ Vĩnh Long và Long Xuyên về Tây

Ninh và sau đó nhiều báo cáo dồn dập về các hoạt động của lực lượng Cao Đài do Giám Đốc ANQĐ là Mai Hữu Xuân báo cáo.

Ngày 20/9/1955, có tin Phạm Công Tắc họp mật với một số chính khách tại Tây Ninh.

Ngày 5/10/1955, Trung tướng Nguyễn Thành Phương mang quân tấn chiếm Tòa Thánh Tây Ninh, bắt giữ 300 người, kể cả vợ con Ông Phạm Công Tắc.

Giữa tháng 11/1955, ông Phạm Công Tắc bí mật cho thành lập lực lượng Cao Đài Tự Do [CĐTD] trong Đồng Tháp Mười. Đại tá Nguyễn Văn Kiệt chỉ huy cơ Thánh vệ (Nguyễn Văn Kiệt là con rể Hộ Pháp Phạm Công Tắc, mới được Tướng Phương phóng thích cùng hai con gái của ông là Phạm Thị Tranh và Phạm Thị Hồ Cẩm, ngày 28/10/1955, đã trốn khỏi Tây Ninh) làm chỉ huy Trưởng và Phụ tá là Trung tá Trần Ngọc Thoại.

Ngày 21/11/1955, sau cuộc chạm súng giữa CĐTD và quân của Tướng Cao Đài Nguyễn Thành Phương, khiến CĐTD chết 3, bị thương 6, và phe Nguyễn Thành Phương chết 14, 1 trọng thương. Tỉnh trưởng Nguyễn Văn Vàng thông báo sẽ đưa Thiết Giáp tới bảo vệ Tòa Thánh Tây Ninh.

Ngày Chủ Nhật 1/2/1956 Tổng thống Ngô Đình Diệm chỉ định Đại tá Nguyễn Hữu Có chỉ huy cuộc hành quân bình định vùng Tây Ninh tấn chiếm Tòa thánh Tây Ninh và núi Bà Đen với sự tham dự của các đơn vị Nhảy Dù và Thủy Quân Lục Chiến.

Hoàng Minh, Trưởng đoàn Trung Kiên Đại Đạo, gửi thư ngỏ tố cáo Văn Thành Cao mượn binh lực người ngoài về chiếm đóng Thánh địa, đem xe tăng thiết giáp vô cửa chính nội ô, chạy rầm trời khắp chỗ... Ví Cao như Gia Long, Lê Chiêu Thống.

Đúng 3 giờ sáng ngày mùng 5-Giêng-Bính Thân (dl 16-2-1956), nhận thấy không có cách nào khác hơn được nữa, nên ông Phạm Công Tắc quyết định rời Tây Ninh chạy qua Kampuchea lưu vong theo ngã Gò Dầu. Hoàng Thân Sihanouk cho Phạm Công Tắc ty nạn tại Thánh Thất Kim Biên, Nam Vang cùng đoàn tùy tùng Hồ Tấn Khoa, Lê Văn Tất, v.v. Một số binh sĩ Cao Đài bỏ trốn theo Thiếu tá Nguyễn Thanh Mừng tỵ họp trong Đồng Tháp Mười.

Hành Quân Thăng Long

A. Tấn công lực lượng Cao Đài ly khai (11/3/1956 – 24/3/1956)

Sau khi kết thúc cuộc hành quân truy kích lực lượng của ông Trần Văn Soái tại Đồng Tháp, ngày 11-3-1956, Bộ Chỉ huy Chiến dịch Nguyễn Huệ đã mở cuộc hành quân Thăng Long về phía Đông Bắc Đồng Tháp. Cuộc hành quân này có mục đích tảo thanh các binh đội của lực lượng giáo phái Cao Đài ly khai tại vùng bất an ninh. Lực lượng xung kích của cuộc hành quân này là các đơn vị thuộc Sư đoàn 15 Khinh chiến.

Trong lộ trình tiến quân, các đơn vị của Sư đoàn Khinh chiến 15 đã có vài cuộc giao tranh kịch chiến với đối phương quanh vùng Trà Cú Thượng.

Ngày 15 tháng 3/1956, lực lượng hành quân bắt được một Trung tá của lực lượng Cao Đài ly khai tên là Huỳnh Văn Liễu.

Từ ngày 19 tháng 3/1956 đến ngày 24/3/1956, các cuộc hành quân của Sư đoàn 15 Khinh chiến tại các vùng tạm an ninh được chuyển thành các hoạt động tảo thanh địa phương, và các hoạt động hành chánh nhằm kêu gọi dân chúng hồi cư.

Ngày 24/3/1956, một số quân sĩ của lực lượng Cao Đài ly khai đã ra quy thuận gồm 56 người mang theo 47 vũ khí đủ loại. Sau vụ quy thuận này, cuộc hành quân Thăng Long chấm dứt với kết quả như sau.

1. Tồn thất đối phương:

- Chết: 63
- Tù binh: 60
- Quy thuận: 56
- Vũ khí bị tịch thu: 33 súng đủ loại.

2. Tồn thất của Lực lượng Quân đội VNCH:

- Tử trận: 11
- Bị thương: 20
- Mất tích: 2
- Vũ khí mất: 22 súng, trong đó có 1 súng cối.

Sau ngày 24/3/1956, chiến trường Đồng Tháp vẫn chưa yên hẳn và luôn sôi động với các hoạt động của Việt Cộng nằm vùng liên kết với các phần tử ly khai còn lại. Tại đây, các nhóm quân này đã sử dụng miền biên giới bao la và bỏ ngõ làm nơi trú ẩn và hoạt động quấy rối.

Các đơn vị Quân đội VNCH đã phải liên tục mở các cuộc hành quân tảo thanh nhưng không sao tiêu trừ hết được. Ngoài các nỗ lực quân sự, Chính quyền Quốc gia còn thiết lập các Tỉnh Quận, tổ chức lại hệ thống hành chính cai trị, mở mang hệ thống đường sá giao thông để phát triển kinh tế, nông nghiệp, v.v.

Các Tỉnh Kiến Tường, Kiến Phong và con đường chiến lược Cai Lậy-Mộc Hóa được thiết lập và khai triển trong thời gian này.

B. Chiến dịch thanh toán lực lượng Ba Cụt từ 5/1 đến 31/5/1956

Sau khi bị hai Tiểu Đoàn 3 và 6 Nhảy Dù đánh tan tác vào trung tuần tháng 12/1955 trong Chiến Dịch Đình Tiên Hoàng 2, Lực lượng của Ba Cụt còn lại trốn thoát về vùng U Minh Thượng.

Đơn vị Trung Đoàn 33 và các đơn vị địa phương do Trung tá Lâm Quang Phòng chỉ huy được giao trách nhiệm lập một tuyến vòng đai bên ngoài khu vực U Minh Thượng để ngăn chặn các tàn quân của lực lượng này trốn thoát về Giồng Riềng.

Tuy nhiên, vì cuộc hành quân được tổ chức gấp rút, không nghiên cứu kỹ càng, thiếu phương tiện vận chuyển, nên quân Ba Cụt chạy thoát gần hết.

Ngày 8/1/1956 quân Ba Cụt đột nhập xóm Thầy Quân ở Cà Mau, bắt Thiếu úy Bùi Quang Thừa và một số viên chức hành chính đem ra mổ bụng. Ngày 10/1/1956, Tiểu Đoàn 1 thuộc Trung Đoàn 36 do Đại úy Trần Hữu Hạnh chỉ huy mở cuộc hành quân truy lùng địch bị lọt vào ổ phục kích và thiệt hại rất nặng: 40 tử thương trong đó có 3 sĩ quan, 44 bị thương (2 sĩ quan), 85 vũ khí bị mất trong đó có 2 cối 81ly, 2 cối 60ly và 1 đai liên 30.

Ngày 13/1/1956, được tin quân Ba Cụt đang thu thuế lúa của dân tại Rạch Cần Thảo (thuộc xã Thạnh Mỹ Tây). Bộ Tư Lệnh Sư Đoàn 4 đã cho mở cuộc hành quân bao vây khu vực Rạch Cần Thảo. Trung Đoàn 12 đã chia quân làm 5 cánh tiến dọc theo các con kinh dẫn tới Rạch Cần Thảo. Đây là cuộc hành quân đêm từ

điểm xuất phát đến mục tiêu khoảng 15km. Để giữ bí mật, các cánh quân đã được di chuyển bằng xe đến điểm xuất phát từ mờ tối ngày 13/1/1956.

Lúc mờ sáng ngày 14/1, Tiểu Đoàn 2/12 của Đại úy Bùi Đức Diễm đã đến mục tiêu (Các cánh quân khác chưa đến kịp). Vào lúc này, lúa vừa gặt xong các cánh đồng trống trải khô ráo. Các đồng lúa và đồng rạ còn xếp ngồn ngang bên các bờ ruộng.

Tại Rạch Cần Thảo, một đơn vị của ông Ba Cụt còn đang ngon giấc rải rác trên các đồng lúa hay đồng rạ, cho đến khi đơn vị dẫn đầu đi qua cũng không hay biết. Khi tờ mờ sáng, đơn vị này bị phát hiện và phát súng đầu tiên của họ đã làm cho một vị sĩ quan của Tiểu Đoàn 2/12 bị tử thương.

Trận chiến “xáp lá cà” diễn ra ác liệt sau đó. Cả hai đơn vị đi trước và đi sau đánh dồn lại ép các chiến binh của Ba Cụt vào giữa. Đơn vị của Ba Cụt chịu không nổi, bỏ chạy tán loạn vào giữa cánh đồng mênh mông, các chiến binh này chỉ làm mồi cho các khẩu đại liên, trung liên và các khẩu Carbin.

Và kết quả Tiểu Đoàn 2/12 đã tiêu diệt toàn bộ đại đội bảo vệ việc thu lúa. Phe địch bỏ lại trận địa 30 xác, 17 vũ khí có một bích kích pháo LG-50. Phía chính phủ có 4 tử thương (1 Trung úy) và 10 bị thương.

Trung tuần tháng Giêng, tại vùng phía Bắc của Tỉnh Châu Đốc giáp ranh biên giới Miên-Việt, quân của Ba Cụt liên tục quấy rối các đồn bót tạo áp lực nặng nề cho các binh sĩ biên phòng.

Bắt đầu ngày 21/1/1956, SĐ4 được lệnh mở cuộc hành quân giải tỏa áp lực của đối phương. Cuộc tiến quân được chia thành hai cánh quân: mỗi cánh một Trung Đoàn, liên tục tảo thanh dọc theo các con kinh xáng Châu Đốc, kinh Bassac từ đồng Cò Vi đến kinh xáng Tân Châu.

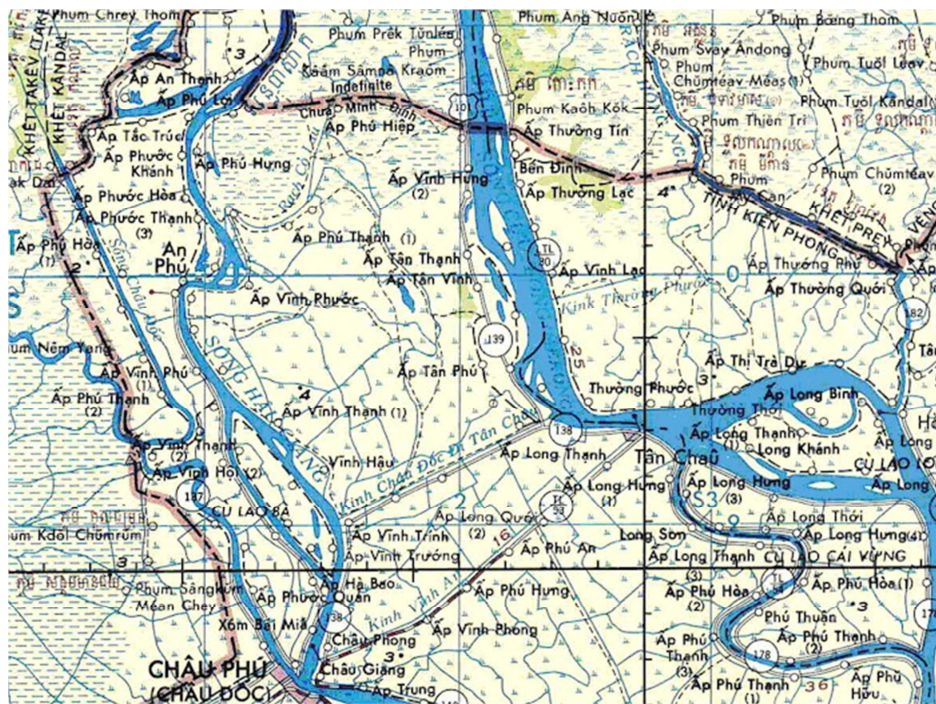
Cuộc hành quân chỉ có một trận đụng độ lẻ tẻ không đáng kể vì không đủ quân số cũng như phương tiện vây kín đường rút lui về bên kia biên giới của đối phương.

Sang đầu tháng 2, từ ngày 1 đến ngày 8/2/1956. Sư Đoàn 11 Khinh Chiến được lệnh mở cuộc Hành Quân Giồng Riềng lần thứ ba để tiêu diệt hai Trung Đoàn thiện chiến của ông Ba Cụt là Trung Đoàn Lê Quang và Trung Đoàn Nguyễn Huệ. Cuộc hành quân được tổ chức có vẻ gấp rút, thiếu chuẩn bị các phương tiện chuyển vận nên các cuộc tấn công bị trì hoãn khiến quân của Ba Cụt nhờ thế đủ thì giờ tẩu thoát.

Trung Đoàn Lê Quang từ Khu vực U Minh Thượng rút về đây đóng chung với Trung Đoàn Nguyễn Huệ trong khu tứ giác Giồng Riềng, Ngọc Hà, Hòa Lợi và Chùa Thọ.

Trung Đoàn Lê Quang đóng dọc theo Kinh Thầy Cai và Kinh Tư Thăng. Bộ Chỉ Huy khu chiến Miền Tây đã giao phó hoàn toàn cho SĐ11 Khinh Chiến tổ chức hành quân nên việc chuẩn bị và bảo mật so với các cuộc hành quân trước đó có nhiều sơ hở.

Tư lệnh SĐ11KC là Trung tá Lê Quang Trọng ra lệnh hành quân trong một bản văn vắn tắt. Theo quan niệm hành quân phía chính phủ sẽ cho một thành phần tấn công quấy rối ở ạt để đánh lạc hướng của đối phương. Trong khi đó thành phần chủ lực sẽ di chuyển tới mục tiêu bằng ngõ khác. Để bảo mật, mọi việc di chuyển đều thực hiện trong đêm, ban ngày nghỉ ngơi che dấu.



Bản đồ vùng hành quân Châu Phú Bắc

Cánh quân Chủ lực chia làm ba mũi tấn công:

- Mũi thứ nhất: Một Liên Đoàn do Thiếu tá Cảnh chỉ huy gồm các Tiểu Đoàn 1, 19 và Tiểu Đoàn Chà (là một đơn vị gồm toàn những hồi chánh viên. Họ ăn mặc như địch để dễ dàng hoạt động trong vùng địch) Mũi tiến quân này từ Cái Trầu di chuyển bằng xuồng đến ấp Hòa Đông.
- Mũi thứ nhì: Một Liên Đoàn do Thiếu tá Lương chỉ huy gồm các Tiểu Đoàn 3, 5 và 13. Mũi tiến quân này từ Kinh Cái Bé di chuyển bằng xuồng đến Ấp Hòa Mỹ.
- Mũi thứ ba: Một Liên Đoàn do Thiếu tá Thanh chỉ huy gồm các Tiểu Đoàn 11 và 520. Mũi tiến quân này từ Thốt Nốt di chuyển ngang Cờ Đỏ, tảo thanh vùng Thới Đông.

Chung cả cuộc hành quân chỉ có 3 cuộc chạm súng: Lần thứ nhất tại Hòa Mỹ lấy được 3 khẩu súng trường. Lần thứ nhì tại Ấp Hòa An lấy được một khẩu súng trường và lần thứ ba dọc theo kinh Ô Môn đến kinh Bảy Ngàn, giao tranh khá mạnh, đối phương bỏ lại 2 xác chết và hai súng cối 81ly và 60ly cùng một khẩu tiểu liên. Kết quả hành quân không mấy khả quan vì binh sĩ di chuyển đêm rất kém, không thuộc đường lối và không nhận rõ địa hình do đó phía loạn quân có đủ thời giờ lẫn trốn.

Cuộc hành quân Bắc Châu Phú lần 2 (22 – 24/2/1956)

Châu Phú Bắc là một khu tứ giác giới hạn bởi Sông Bassac, sông Mê-kong, kinh xáng mới Tân Châu và biên giới Miên-Việt. Cư dân vùng này đa số sống với nghề nông tằm dệt củi. Các ruộng dâu xanh xanh ngút ngàn tận chân trời. Thời tiết tháng 2 này khô ráo nên việc di chuyển bằng đường bộ của quân ly khai cũng rất dễ dàng do đó áp lực của họ lên vùng này rất lớn.

Các đơn vị ly khai Hòa Hảo thường lợi dụng đêm tối len qua vùng biên giới Thường Phước hay rạch Cỏ Lau từ các sào huyệt cứ địa vùng núi non Angkor Boroy trên đất Kampuchea, kéo về uy hiếp các tiền đồn biên phòng. Các binh sĩ trong đồn ít khi dám đi ra ngoài. Sau cuộc hành quân ngày 21 tháng Giêng, khi các toán quân chính phủ cuối cùng vừa rút về thì tình hình nghiêm trọng vẫn trở lại như cũ.

Vào khoảng ngày 15/2/1956, trước cuộc hành quân khai diễn một tuần lễ, loạn quân đã bắn chết viên Thiếu úy trưởng đồn Tân An, một đồn biên phòng sát biên giới bên bờ sông Mekong, khi vị sĩ quan này vừa rời khỏi đồn đi đến chợ khoảng chừng 200 thước.

Lực lượng Hòa Hảo ly khai đã phát động một cuộc chiến tranh trường kỳ du kích để chống đối chính phủ trung ương. Họ lợi dụng địa thế hiểm trở của sông Mê-Kong và biên giới bao la để tránh né các cuộc hành quân càn quét của Quân Đội Quốc Gia và gây bất an cho dân chúng trong vùng.

Đại tá Tôn Thất Xứng là Tư lệnh Sư Đoàn 4 Dã Chiến (tiền thân của SĐ7BB) được chỉ định làm Tư lệnh chiến trường mở cuộc hành quân truy quét sạch loạn quân ly khai để tạo sự yên ổn làm ăn cho dân chúng.

Rút kinh nghiệm thất bại trong các cuộc hành quân trước, lần này BCH hành quân đã trù liệu thêm các cánh quân ngăn chặn vùng biên giới không cho loạn quân vượt qua, nhằm mục đích dí họ vào khu Tứ Giác để thanh toán.

Cả 3 Trung Đoàn 10, 11 và 12 cơ hữu của Sư Đoàn đều được sử dụng chia làm 3 cánh quân tấn công vào mục tiêu:

- Trung Đoàn 10 dàn quân xuất phát từ phía Tây Kinh Xáng mới Tân Châu tiến lên phía Bắc.
- Trung Đoàn 11 xuất phát từ phía Đông Kinh Xáng mới Tân Châu cũng tiến ngược lên phía Bắc.
- Trung Đoàn 12 được chia làm 2 cánh: Cánh thứ nhất được tàu Hải Quân chuyên chở đổ quân xuống phía Đông của khu tứ giác gần Đồn Tân An. Cánh thứ hai cũng được tàu HQ đổ xuống bờ phía Tây của sông Bassac gần khu biên giới. Cả hai cánh quân này dàn quân dọc biên giới, khi bắt tay nhau, hai cánh quân này xoay hướng mở cuộc càn quét từ biên giới tiến vào nội địa.

Mục đích của cuộc hành quân là bao vây và lừa đối phương vào khu trung tâm tứ giác để tiêu diệt. Nhưng phía đối phương nhờ địa thế rậm rạp, sinh lầy, quen địa thế, trong khi quân chính phủ di chuyển khó khăn nên họ lẩn trốn gần hết. Chỉ có một cuộc chạm súng quan trọng tại Rạch Cỏ Lau khi một Tiểu Đoàn của Trung Đoàn 12 đổ quân xuống phía Tây của Khu tứ giác tiến dọc theo biên giới. Các binh sĩ đi theo một con đường mòn nhẵn dấu chân người, vừa làm chuẩn khỏi sợ lạc vừa dễ đi. Khoảng 10 giờ sáng, đơn vị tới Rạch Cỏ Lau vừa chuyển hướng đi dọc theo hai bờ Rạch để tiến vào nội địa. Các kinh binh tiên phong phát hiện vài bóng người ẩn hiện bỏ chạy trong đám lau sậy phía trước nên khai hỏa. Khi lục soát, không thấy kẻ địch chỉ bắt gặp những túi xách chứa đựng toàn ầu dục.

Vị Tiểu Đoàn Trưởng, sau đó cho một Đại Đội dàn quân truy lùng dọc theo Rạch Cỏ Lau ngược về phía biên giới. Khi đơn vị lục soát vừa xuất phát độ 300m thì cuộc giao tranh bộc phát dữ dội. BCH Tiểu Đoàn cho tác xạ súng cối 81ly yểm trợ đồng thời điều động Đại Đội ở bờ phía bên kia Rạch Cỏ Lau bọc hậu để chặn đường tháo lui của địch quân. Đại đội này đã khai hỏa khẩu đại liên chặn hậu, phía địch quân nao núng kéo cờ trắng đầu hàng.

Quân chính phủ ngưng tiếng súng chờ cho phía Hòa Hảo buông súng đầu hàng, trong khi đó họ lợi dụng thời gian hưu chiến ngăn ngừa để tránh khỏi tầm đạn đại liên nguy hiểm rồi hè nhau lẩn trốn trong đám lau sậy chạy thoát về bên kia biên giới. Đơn vị Hòa Hảo đụng độ này là Tiểu Đoàn 7 Hòa Hảo do Trương Kim Cù chỉ huy. Tổng kết cuộc đụng độ địch quân bỏ lại tại trận 11 xác và 2 vũ khí cùng nhiều túi ầu dục. Có thể đối phương thiệt hại nhiều hơn nhưng vì phía quân đội không thể lục soát sang phía bên kia biên giới để kiểm chứng. Về phía chính phủ một binh sĩ tử thương và 10 bị thương.

Thương thuyết với Ba Cụt:

Nơi nào quân ly khai của Ba Cụt xuất hiện là lập tức Quân Đội Quốc Gia mở ngay cuộc hành quân táo thanh. Những cuộc hành quân chớp nhoáng như vậy thường ít xảy ra các cuộc chạm súng vì sự tránh né của đối phương nhưng đã gây tác động tinh thần cho quân ly khai vô cùng căng thẳng. Những binh sĩ Hòa Hảo rất hoảng sợ và lần lượt bỏ trốn, đào ngũ rất nhiều để cầu an.

Ba Cụt cảm thấy lực lượng của mình mỗi ngày càng suy yếu qua các cuộc hành quân ngày càng gia tăng của Quân Đội Quốc Gia. Trong khi đó sự quy thuận của Ông Trần Văn Soái làm cho nhóm Nghĩa Quân Cách Mạng của ông càng thêm hoang mang. Cũng như đối với Ông Năm Lửa, Chính Phủ Quốc Gia vẫn tìm cách để đưa ông Ba Cụt trở về. Do đó hai bên Chính Phủ và Ông Ba Cụt đã có những sự liên lạc để tìm cách đưa quân của ông về hợp tác.



Đại diện chính phủ để điều đình với Ông Ba Cụt là Ông Đại Sứ Nguyễn Ngọc Thơ. Ông Thơ quen biết với cậu ruột của Ba Cụt là ông Huỳnh Kim Hoàn, thường gọi là ông giáo Hoàn, ở Bằng Tằng. Ông Hoàn là người đã nuôi dạy cho Ba Cụt lúc còn nhỏ học hết chương trình tiểu học, nên Ba Cụt rất kính trọng ông giáo Hoàn. Ông Thơ về Bằng Tằng tìm gặp ông giáo Hoàn và nhờ ông giáo Hoàn giúp để có thể nói chuyện với Ba Cụt, nhưng Ba Cụt từ chối. Tại sao lúc này Ba Cụt chịu thương thuyết? Có giả thuyết cho rằng Ba Cụt chịu thương thuyết vì đang bị quân đội quốc gia dồn vào đường cùng. Nhưng một giả thiết khác cho rằng Ba Cụt đã chấp nhận thương thuyết như một kế hoãn binh. Lợi dụng cuộc ngưng bắn tạm thời diễn ra lúc có thương thuyết, Ba Cụt cho chính đồn lại hàng ngũ và tái phối trí lực lượng để tiếp tục đương đầu với quân chính phủ. Các diễn biến sau đây cho thấy giả thuyết này đúng.

Một mặt ông Ba Cụt tiếp tục điều đình với chính phủ; mặt khác với đầy vẻ tự ái và kiêu hãnh cá nhân, vẫn nuôi dưỡng một ý chí chiến đấu tích cực khi ông vẫn bí mật cho một số thuộc hạ chủ lực rút về khu Đồng Tháp chiếm lại một số đất đai do quân của ông Soái vừa bỏ về quy thuận với chính phủ. Tại đây, ông cho thiết lập một khu chiến thứ 5 mang tên Khu Chiến Tháp Mười do ông Nguyễn Thời Rê, một Trung Đoàn Trưởng nổi danh của Trung Đoàn Lê Quang phụ trách thành lập.

Những đơn vị được di chuyển về Đồng Tháp gồm có: Trung Đoàn Lê Quang, một Tiểu Đoàn của Trung Đoàn Lê Lợi, Tiểu Đoàn Lê Văn Duyệt, Đại Đội 43 Dân Xã, các Đại Đội 1, 2, 3, và 4 phòng vệ phối hợp với các đơn vị cũ như Tiểu đoàn 7 của Trương Kim Cù... thường trú đóng trong vùng Châu Phú Bắc và Thường Đức.

Nhờ địa thế, quân của ông Ba Cụt có thể lợi dụng rừng lau sậy rậm rạp ở vùng sát biên giới để tẩu thoát khi quân chính phủ mở cuộc ruồng bỏ hoặc có thể lợi dụng lằn ranh giới không thể phân định rõ ràng, quân chính phủ không thể vượt qua vì sợ gặp rắc rối với quốc gia láng giềng.

Sau nhiều ngày vận động, ngày 29/2/1956 ông Ba Cụt đã đến Cồn Tảo nằm trên sông Mekong về phía Bắc của quận Tân Châu khoảng 15km để gặp Đại Sứ Nguyễn Ngọc Thơ. Một số lớn các đơn vị của ông được điều động đến quanh khu vực này để yểm trợ cho cuộc thương thuyết. Bộ chỉ huy của ông hình như đóng tại Thường Phước, một địa điểm ở gần sát biên giới, tại đây họ dễ dàng vượt qua Kampuchea nếu quân chính phủ được điều động tới.

Về phía quân đội quốc gia cũng điều động 2 Trung Đoàn và một số những tàu chiến của Hải Quân bố trí xung quanh để sẵn sàng tấn công vào khu vực phía Bắc Châu Phú nếu có những biến động bất ngờ.

Cuộc hội thứ nhì được ấn định vào ngày 4/4/1956. Nhưng khi ông Thơ đến Cồn Tảo thì Ba Cụt không chịu hội kiến mà đưa cho ông Nguyễn Ngọc Thơ một “bản điều kiện” do Ba Cụt ký tên và đề ngày 2/4/1956. “Bản điều kiện” này gồm 16 điểm, nguyên văn như sau:

“Bản điều kiện” 16 điểm, đại lược như sau:

1. Chính phủ thừa nhận Đảng Việt Nam Dân Chủ Xã Hội (gọi tắt là Đảng Dân Xã) là một chính đảng hợp pháp, được phép hoạt động trên toàn thể lãnh thổ Việt Nam.
2. Chính phủ và Dân Xã Đảng cùng thỏa thuận công bố một bản thông cáo về lý do sự hợp tác. Thông cáo này được đăng trên Việt Tấn Xã, phát thanh và báo chí quốc nội cũng như quốc ngoại, thời gian một tuần lễ trước khi làm lễ hợp tác.
3. Chính phủ bảo đảm an ninh cho toàn thể cán bộ chính trị của đảng Việt Nam Dân Chủ Xã Hội.
4. Phóng thích tất cả các chính trị phạm do Đảng Dân Xã nhìn nhận.
5. Không nhìn nhận hiệp định Genève, tẩy ban kiểm soát đình chiến ra khỏi nước VN. Tích cực chiến đấu trên mọi phương diện để quy hoàn nền thống nhất quốc gia Cộng Hòa từ Cà Mau đến Ải Nam Quan.
6. Với số vũ khí hiện có của lực lượng Đảng Dân Xã, chính phủ bổ sung thêm để thành lập hai sư đoàn, đúng theo biên chế tổ chức hiện hành của Quân Đội Cộng Hòa Việt Nam: Một sư đoàn Bắc Tiến và một sư đoàn lấy danh hiệu Sư Đoàn Bảo An lo giữ an ninh trật tự ở miền Tây để dẹp cộng sản địa phương. Hai sư đoàn này do Trung tướng Lê Quang Vinh (tức Ba Cụt) trực tiếp chỉ huy. Trung tướng Vinh chịu hệ thống trực thuộc của Bộ Quốc Phòng.
7. Chính phủ thừa nhận các cấp bậc thượng, hạ sĩ quan và cấp hiệu huy chương của quân lực Dân Xã Đảng thay vào cấp hiệu huy chương của chính phủ hiện hữu và sĩ quan trực thuộc Sư Đoàn Bảo An cũng được mang cấp bậc phù hiệu y như sĩ quan sư đoàn chính quy của Cộng Hòa Việt Nam.
8. Chính phủ cung cấp số sĩ quan chuyên môn do Trung tướng Lê Quang Vinh đề nghị để bổ sung thành lập 2 sư đoàn kể trên.
9. Thiết lập một trung tâm huấn luyện tại Miền Tây để huấn luyện binh sĩ hai sư đoàn này. Số Sĩ Quan Dân Xã Đảng được giới thiệu theo học tại Trường Quân Chính thống nhất của chính phủ để có đủ số sĩ quan thành lập hai sư đoàn.
10. Khi đã thanh toán vấn đề cộng sản ở Miền Tây, sư đoàn Địa Phương sẽ luân phiên thay thế cho sư đoàn Bắc Tiến.
11. Chính phủ công nhận Trung tướng Lê Quang Vinh là sĩ quan quân đội quốc gia kiêm Ủy viên trung ương Đảng Dân Xã.
12. Lương bổng của 2 sư đoàn này chính phủ phải cung cấp ngay từ ngày ký kết và cung cấp riêng một tháng tiền lương để an ủi binh sĩ.
13. Tái vũ trang cho một số đơn vị Bảo An Hòa Hảo để giữ an ninh trật tự vùng thánh địa: Hòa Hảo, Hưng Nhơn, Hiệp Xương, Bình Thạnh Đông, Phú An gọi là Bảo An Thánh Địa Hòa Hảo.
14. Chính Phủ trợ cấp cho các gia đình tử sĩ và thương binh đã chiến đấu chống thực, cộng dưới quyền chỉ huy của Trung tướng Lê Quang Vinh từ năm 1945 đến nay.
15. Hưu chiến ngay khi có cuộc thương thuyết chính thức của đôi bên Chính Phủ và Dân Xã Đảng.

16. Bản doanh Trung tướng Lê Quang Vinh đặt tại Long Xuyên, Sài Gòn và một bản doanh lưu động.

Ngày 2 tháng 4 năm 1956

Trung tướng Lê Quang Vinh

Tổng Tư Lệnh Quân Lực Dân Xã Đảng

Dĩ nhiên, chính phủ không bao giờ chấp nhận những điều kiện như thế, nhất là khi lực lượng Ba Cụt đang đến ngày tàn. Chấp nhận những điều kiện đó thì chẳng khác gì công nhận một quốc gia trong một quốc gia. “Bản điều kiện” của Ba Cụt cho thấy Ba Cụt không thật sự muốn thương thuyết mà chỉ coi thương thuyết như một kế hoãn binh. Quả thật, trong thời gian hưu chiến từ 26 tháng 3 đến mùng 6 tháng 4, Ba Cụt đã củng cố lại hàng ngũ và tái phối trí để tiếp tục cuộc chiến.

Riêng về điều kiện buộc chính phủ phải công nhận Ba Cụt là Trung tướng của Quân Đội Quốc Gia, cần nhắc lại những diễn biến sau đây:

Quân đội QGVN lúc bấy giờ (đầu năm 1956) chỉ có duy nhất một mình Trung tướng Lê Văn Ty vừa được thăng cấp ngày 26/10/1955 giữ nhiệm vụ Tổng Tham Mưu Trưởng QĐQGVN.

Ngày 20/8/1950 Ba Cụt đã về hợp tác với Pháp lần thứ tư và được gán lon Thiếu tá, nhưng sau đó ông lại ra đi. Tháng 11 năm 1953, ông về hợp tác lần thứ năm và đến ngày 1/12/1953, ông được Pháp gán lon Đại tá giả định (nhiệm chức) Trung tá thực thụ; nguyên là Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 6 Khinh quân. Sau đó ông lại ra đi. Ông đã về rồi đi tất cả 6 lần. Nay từ Đại tá ông đòi lên Trung tướng!

Ngày 6/4/1956, ông Nguyễn Ngọc Thơ thông báo cho Ba Cụt biết “Bản điều kiện” của ông không được chính phủ chấp nhận.

Sau cuộc thương thuyết bất thành, ngày 8/4/1956 phía chính phủ mở cuộc hành quân tấn công vào Sở Hạ. Một Trung Đoàn được bố trí đóng quân trong khu vực Châu Phú Bắc. Trung Đoàn 41 dàn quân từ Hồng Ngự tấn công lên phía Bắc vào khu vực Thường Phước. Trung Đoàn này chia làm 3 mũi tiến quân: Mũi thứ nhất từ Rạch Sờ Thượng tiến lên khóa chặt vòng vây. Một cánh bọc hậu dọc theo sông Tiền càn quét vùng kinh Bùi Văn Bút và mũi thứ ba tấn công thẳng vào kinh Thường Phước.

Trong khi đó kể từ đầu tháng 4 năm 1956: Quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã rải quân bình định từ Thốt Nốt (ngoại ô Cần Thơ) về Rạch Giá, Tàn quân ly khai của ông Ba Cụt đã bị đánh tan tành. Ba Cụt và một số tàn quân còn lại, phải lẩn trốn giả dạng thường dân!

Đại tá Dương Văn Đức Tư lệnh Khu Chiến Miền Tây, kiêm Tư lệnh Chiến Dịch Nguyễn Huệ đợt 2, khóa chặt đường rút quân về Đòng Tháp Mười, và Cà Mau, đồng thời ra lệnh các lực lượng Bảo An (Địa phương quân sau này) tại các Tỉnh miền Tây kiểm soát an ninh 100%, cương quyết phải bắt sống Ba Cụt đang lẩn trốn trong dân, bằng mọi giá! Các Tiểu khu tại Miền Tây cũng nhận được lệnh mở nhiều cuộc phục kích ngày và đêm trong vùng trách nhiệm của Tiểu khu để tóm Ba Cụt.

Bộ tư lệnh Chiến Dịch xử dụng tối đa các đơn vị thuộc quyền, hành quân liên tục dọc theo vùng Thất sơn, Châu Đốc ngăn chặn đường về núi Sam, Thường Phước, thuộc quận Hồng Ngự gần sát biên giới Kampuchia, là nơi Ba Cụt có thể ẩn náu. Chiến thuật tấn công của Tướng Minh và Đại tá Dương Văn Đức lúc đó là: “Chặn mất đường về hang của hổ, buộc hổ phải di động liên tục thì chắc chắn hổ phải sa lưới.”

Thật ra, việc bố trí để bắt Ba Cụt rất phức tạp, sau khi Tướng Trần Văn Soái chịu quy thuận nhưng Ba Cụt vẫn từ chối, ông Ngô Đình Diệm đã bàn với Tướng Dương Văn Minh soạn thảo một kế hoạch rất tỷ mỉ để bắt Ba Cụt. Theo tin tình báo có nhiệm vụ theo dõi sự di chuyển của Ba Cụt cho biết Ba Cụt thường hay lui tới vùng Chấn Cà Dao cách Long Xuyên khoảng 7 cây số và thỉnh thoảng dừng chân tại đồn này. Đồn Bảo

An Chấn Cà Đao do các binh sĩ Bảo An giữ và Trung Sĩ I Giàu làm trưởng đồn, nhưng các binh sĩ này là tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo, rất cảm phục Ba Cụt, nên Ba Cụt thường ghé vào nghỉ ở đó.

Đại úy Hiền phụ trách về an ninh của Bảo An được ông Ngô Đình Nhu trao cho thành lập và thực hiện kế hoạch phục kích bắt Ba Cụt. Đại úy Hiền đã tuyển chọn 15 binh sĩ Bảo An tinh nhuệ và giao cho Trung sĩ Lợi, một người rất giỏi về võ thuật huấn luyện. Sau khi huấn luyện xong, các binh sĩ này được bổ sung vào một Đội Đặc Nhiệm lấy tên là Đội Bảo An Trần Quốc Tuấn. Bên ngoài, đội này được giao nhiệm vụ theo dõi các hoạt động của Việt Cộng ở vùng Chấn Cà Đao, nhưng mục đích chính là theo dõi và bắt Ba Cụt. Cả đội này đã mặc thường phục đến bố trí vùng quanh đồn Bảo An Chấn Cà Đao.

Ngày 8/4/1956, sau khi hai Trung Đoàn mở cuộc hành quân lục soát vùng Châu Phú Bắc và Thường Phước không bắt được Ba Cụt, Bộ Tư Lệnh Chiến Dịch Nguyễn Huệ tin rằng Ba Cụt có thể trở về vùng Chấn Cà Đao lần trốn nên đã bí mật ra lệnh cho Đội Bảo An Trần Quốc Tuấn của Đại úy Hiền đến chiếm đóng đồn Bảo An Chấn Cà Đao, kết hợp với lực lượng của Trung sĩ Giàu thành Liên Đội Bảo An Trần Quốc Tuấn do Đại úy Hiền chỉ huy. Đại úy Hiền đã cho liên đội bố trí quanh đồn Chấn Cà Đao để chờ bắt Ba Cụt.

Cuộc thương thuyết với Đại Sứ Nguyễn Ngọc Thơ của chính phủ vào ngày 6/4/1956 thất bại, Ba Cụt len lỏi cùng một số cận vệ và tùy tùng trốn thoát vùng phong tỏa của Quân Đội Quốc Gia. Từ vùng Thường Phước, Ba Cụt rút xuống Đồng Tháp và trú ẩn với lực lượng quân sự nghĩa quân cách mạng tại vùng rạch Ba Răng, Ngày 11/4/1956, vào lúc buổi tối, Ba Cụt và Thế Xương (Dương Thế Xương - Đồng Lý Văn Phòng Dân Xã Đảng), Thiếu úy Vinh (Bí Thư của Ba Cụt), Thiếu úy Tóc (Sĩ quan cận vệ) và một số nhân viên cận vệ rời Đồng Tháp để về khu vực Long Xuyên với mục đích trốn thoát vùng phong tỏa.

Ông Ba Cụt và đoàn tùy tùng dùng một xuồng và một ghe nhỏ khởi hành từ ngọn rạch Ba Răng và tiến về phía Nam dọc theo sông Hậu Giang đến đôn Hòa Hảo (7 cây số Tây Bắc Chợ Mới) vào lúc 24 giờ và số cận vệ được để nghỉ đêm tại nơi đây.

Sáng ngày 12/4/1956, Ba Cụt cùng Thế Xương qua sông, ngừng tại Xẻo Bung (ấp Mỹ Thuận) để gặp người câu ruột tên là Huỳnh Kim Hoàn và một số người khác bàn luận việc mua vũ khí và đạn dược. Chiều hôm đó, vào khoảng 18 giờ, toán cận vệ còn lại rời khỏi cồn Hòa Hảo để theo Ba Cụt. Khi đoàn người này rời khỏi cồn Hòa Hảo độ 2 cây số và đang qua sông thì bị nhân viên Biệt Động Đội Phòng Nhì phát hiện và mở cuộc hành quân rượt theo. Được báo động, Quân Đội Quốc Gia đóng ở Chợ Mới liền tổ chức ruồng bố để tìm bắt loạn quân.

Bị động, Ba Cụt cùng đoàn tùy tùng rút xuống phía Nam vào lúc 21 giờ, riêng Thế Xương được lệnh Ba Cụt tiến về Đồng Tháp.

Xuồng và ghe chở Ba Cụt cặp theo hữu ngạn sông Hậu Giang và đúng nửa đêm thì đoàn ghe thuyền rẽ vào Đồng Xúc (Mỹ Hòa).

Nghĩ rằng đã ra khỏi cuộc ruồng bố của quân đội chính phủ, không ngờ đến 6 giờ 00 sáng ngày 13/4/1956, Ba Cụt và toán cận vệ đâm xuồng qua sông về phía Long Xuyên, ngang vàm Chấn Cà Đao (trên bản đồ gọi là Chấn Cần Đao), cập bến gần đồn Bảo An rồi lên bộ, băng qua một thửa ruộng nhỏ đến lộ chính và tiến về đồn Bảo An Chấn Cà Đao với sự tin tưởng rằng sẽ được các binh sĩ Bảo An trong đồn đón tiếp như những lần trước. Tất cả có 8 người đều mặc đồ đen, 5 người mang súng trường hay tiểu liên, Ba Cụt mang súng lục, còn hai người không mang súng. Khi họ đang từ từ tiến về phía đồn thì các binh sĩ Liên Đội Bảo An Trần Quốc Tuấn do Đại úy Hiền chỉ huy phục kích hai bên lộ nháy ra hô đưa tay lên và bắt trối, toán cận vệ của Ba Cụt không trở tay kịp.

Năm cận vệ mang súng bị bắt cùng với Ba Cụt là Nguyễn Văn Hộ, Nguyễn Văn Phú, Nguyễn Văn Thơ, Nguyễn Văn Tóc và Võ Văn Vĩnh. Hai người còn lại không mang vũ khí là Phan Văn Hoàn và Trần Tấn

Hanh. Hai người này phụ trách chèo đò. Ngoài ra, các binh sĩ Bảo An còn tịch thu được hơn một triệu đồng.

Ngày 29/5/1956, trong một buổi lễ trao lệnh kỳ và huy chương, Đại Biểu Chính Phủ tại Nam Việt đã trao tặng Liên Đội Bảo An Trần Quốc Tuấn một triệu đồng vì có công bắt được Tướng Ba Cụt. (Đoàn Thêm, 1945 – 1964, Việc từng ngày, Xuân Thu, Hoa Kỳ, tr. 197). Số tiền này được chia cho các toán viên của Liên Đội. Riêng Đại úy Hiền được thưởng 1 triệu đồng, Trung sĩ Lợi 200,000 đồng và được đặc cách thăng Thiếu úy.

Ngay sau khi ông Ba Cụt và các thuộc hạ bị bắt, hơn 10 xe nhà binh đã đến giải họ về Long Xuyên. Ít lâu sau, họ bị giải về Cần Thơ để lập hồ sơ truy tố ra Tòa Đại Hình.

Có dư luận cho rằng Ba Cụt đã bị Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ dụ hàng với cấp bậc Thiếu tướng, rồi sau đó bắt sống trên đường tới phó hội. Và phe Việt Cộng cũng lập luận viết như thế: “Ngô Đình Diệm đã nhiều lần phái quân đội đến tiêu trừ nhưng vẫn không thanh toán được. Sau Ngô Đình Diệm âm mưu “thương thuyết”, chấp nhận cho Ba Cụt về cộng tác với chính quyền (do Nguyễn Ngọc Thơ làm trung gian), nhưng vào phút cuối, Ngô Đình Diệm trở mặt, bắt cóc ông rồi đưa ra tòa xử tử hình với tội “phản loạn”.

Về việc này, sau khi chính phủ Ngô Đình Diệm bị lật đổ, ông Nguyễn Ngọc Thơ cũng đã xác nhận không hề có chuyện lừa Ba Cụt về thương thuyết rồi bắt. Trong một cuộc họp báo vào tháng 12 năm 1963 tại Hội Trường Diên Hồng, khi một ký giả hỏi rằng có phải Ba Cụt bị gạt về họp tại Chắc Cà Đao rồi bị bắt, có phải không? Thủ tướng Nguyễn Ngọc Thơ đã trả lời: “Vì sự đòi hỏi của Ba Cụt quá đáng, như chính phủ phải nhìn nhận anh là Trung tướng Quân Đội Quốc Gia anh mới trở về họp tác nên cuộc thương thuyết với Ba Cụt bắt thành. Sau đó, Ba Cụt bị bắt trong khuôn khổ một cuộc hành quân ở miền Tây.”

Trong quyển hồi ký Quân Sử Nghĩa Quân Cách Mạng của tác giả Trần Thị Hoa tự Phần, phu nhân của Tướng Lê Quang Vinh tức Ba Cụt, hiện định cư ở Houston do Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại xuất bản năm 2002 đã ghi như sau (trang 177):

“... từ những ngày đầu của cuộc hành quân, ông Ba Cụt đã vượt ra khỏi vòng vây để bị bắt tại Chắc Cà Đao ngày 13/4/1956. Người ta bảo rằng do kết quả của cuộc hành quân vây bắt này mà ông Ba Cụt đã bị sa lưới chính phủ. Thực ra đây chỉ là cuộc hành quân tảo thanh thông thường như những cuộc hành quân đã diễn ra từ trước đây, chỉ có một điều khác là bắt được ông Ba Cụt giữa lúc có cuộc hành quân này. Việc ông bị bắt là hoàn toàn ngẫu nhiên ngoài vòng phong tỏa của Chính phủ...”



**Tướng Big Minh lấy khẩu cung Tướng Lê Quang Vinh.
Tận cùng bên trái là Tướng Dương Văn Minh (Tư lệnh Chiến dịch).
Cạnh bên là Thiếu tá Đỗ Kiến Nhiễu (Tỉnh trưởng Long Xuyên).
Người mặc áo đen là Tướng Lê Quang Vinh tự Ba Cụt
(Tư lệnh Lực lượng Dân Xã Đảng).
(Ảnh tài liệu của Anh Tâm Nguyễn Thành Mỹ trong “Nửa đời làm báo”**

Sau khi Ba Cụt bị bắt, ngày 24/4/1956, Ba Bụng, tức Phan Công Cẩn, Phó Tổng Tư Lệnh của Ba Cụt và một số quân sĩ khác bị bắn chết tại Châu Đốc. Sau đó, Nguyễn Văn Ca, Chính Trị Bộ Chủ Nhiệm của quân

Ba Cụt cũng bị bắt tại kinh Thần Nông và Dương Thế Xương, Đồng Lý Văn Phòng của Ba Cụt bị bắt tại Mỹ Thuận, quân của Ba Cụt bị tan rã. Còn lại hai thuộc hạ là Bảy Đóm và Mười Trí mang tàn quân của các Tiểu Đoàn Hòa Hảo khoảng vài mươi người chạy qua Miên, thề sẽ trả thù cho chủ cũ và sau đó ngã theo VC.

Ngày 31/5/1956, Chiến Dịch Nguyễn Huệ đạt được kết quả mỹ mãn và Quân Đội Quốc Gia đã tuyên bố chấm dứt hành quân.

Qua Chiến Dịch Nguyễn Huệ, có 918 quân của Ba Cụt, trong đó có 11 sĩ quan, đã quy thuận với Chính Phủ.



Ông Ba Cụt trước vành móng ngựa



Tài liệu tham khảo:

- *Chiến Sử Việt Nam, Hiệp Định Genève, 50 Năm Nhìn Lại của Vương Hồng Anh đăng tải trên Việt Báo*
- *Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc trên trang nhà <http://caodai.vn>*
- *Hồi Ký Nghĩa Quân Cách Mạng của Trần Thị Hoa tự Phần, Giáo Hội PGHH Hải Ngoại xb năm 2002*
- *Lâm Lễ Trình Và Mật Vụ CLCG... của Trịnh Bá Lộc*
- *Cuộc Truất Phế Bảo Đại ngày 23/10/1955 của Chính Đạo*
- *Chuyện Năm Lửa và Ba Cụt của Lữ Giang*
- *Và các cuộc phỏng vấn các chiến hữu Nhảy Dù.*



Trích và cập nhật từ quyển “20 Năm Chiến Sự” - Binh chủng Nhảy Dù
Tác giả:



Đại úy Võ Trung Tín Tiểu đoàn Truyền Tin SĐND – 714-856-9202
Đại úy Nguyễn Hữu Viên Tiểu đoàn 3 Nhảy Dù – 714-897-1435
1246 S. Huron Dr. Santa Ana CA 92704
Email: 20namchiensu@gmail.com



Tổng Phát Hành: **Mr. Hải Võ**
1246 S. Huron Dr. Santa Ana CA 92704
Tel: 714-856-9202. Email: 20namchiensu@gmail.com
Giá quyển sách: **\$40.00USD** (Ngoài Hoa Kỳ: **\$50.00USD**)

Nguồn: Internet E-mail by Võ Trung Tín chuyển

Đăng ngày Thứ Sáu, July 29, 2016
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQTĐ/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH